TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 4 – 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Phạm Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Danh B, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp D, xã L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Chị Thị T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp D, xã L, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Danh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thị T do quen biết và tự nguyện kết hôn

vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống nên hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống vợ chồng mặc dù đã cố gắng hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thị T.

Về con chung: Có 03 con chung là Danh V (giới tính: nam), sinh ngày 21/3/2005, Danh D (giới tính: nam), sinh ngày 09/11/2008, Danh Q (giới tính: nam), sinh ngày 24/12/2011 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 03 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Thị T trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Danh B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện anh chị đã không còn chung sống với nhau được nữa. Chị đồng ý ly hôn với anh Danh B.

Về con chung: Chị đồng ý giao 03 con chung là Danh V, Danh D, Danh Q cho anh Danh B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Anh Danh Bụ và chị Thị T tự nguyện kết hôn năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh Danh B và chị Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Danh B và chị Thị T tự nguyện kết hôn năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Anh Danh B và chị Thị T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa nên anh Danh B và chị T cùng thống nhất ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh Danh B và chị Thị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh Danh B và chị T không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Danh B và chị T.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống anh Danh B và chị T có 03 con chung là trẻ Danh V (giới tính: nam), sinh ngày 21/3/2005; trẻ Danh D (giới tính: nam), sinh ngày 09/11/2008; trẻ Danh Q (giới tính: nam), sinh ngày 24/12/2011 hiện đang sống chung với anh Danh B. Khi ly hôn anh Danh B yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con chung; chị Thị T cũng đồng ý giao 03 con chung cho anh Danh B nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cả 03 trẻ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với anh Danh B. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao trẻ Danh V, Danh D, Danh Q cho anh Danh B nuôi dưỡng. Anh Danh B không yêu cầu chị

Thị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh B và chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Danh B là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Danh Bụ và chị Bích.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là trẻ Danh V (giới tính: nam), sinh ngày 21/3/2005; trẻ Danh D (giới tính: nam), sinh ngày 09/11/2008; trẻ Danh Q (giới tính: nam), sinh ngày 24/12/2011 cho anh Danh B nuôi dưỡng. Anh Danh B không yêu cầu chị Thị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh B và chị T xác định không có,

không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Danh B được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa